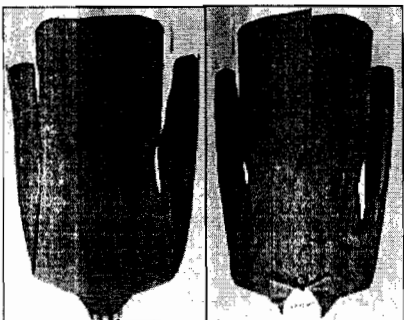


福星制衣越南廠 制衣工程 IE 出數核定流程表

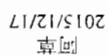
1. 由越南廠的 IE 人員，依據上線款式，製作工程表及時間初估表。
2. 經越南廠生產部會商研究後，由生產主管提出效率建議與工程改善說明。並簽字。
3. 經越南廠總經理核實後，將文件呈送臺北公司做最後核可。
4. 依臺北公司核可之 IE 數據後，作為越南廠的效率評估與績效獎金標準。

款式說明：男裝外套		制表人：阿草		日期：2015/12/17		文件編號：					
G15-319C											
參考雷同款：											
生產車縫時間：3261 特車組時間：426								總時間：3687			
生產出數：8.83								特車組出數：67.6		IE 總出數：7.81	

PPIC 主管：

7
2015/12/17
PPIC

作業別時間別表



SEWING OPERATION LIST

TAIPEI IE OUTPUT:

8.83 VN IE OUTPUT:

8.8

DATE: 16-12-2015

DATE: 16-12-2015

DATE: 16-12-2015

[illegible]

SEWING OPERATION LIST

TAIPEI IE OUTPUT:

VN IE OUTPUT:

8.83

8.83

Mã công đoạn	công việc	Tên công đoạn	Đơn vị	Thời gian	Đơn vị	Sản lượng
B01	Thi công	SD TS *2	C	38	phút	758
B02	Thi công	Cuốn viền sẽ sau một bên	B	21	phút	1371
B03	Thi công	Cán chập giữa sau + sẽ sau	B	45	phút	640
B04	Thi công	Chấn sẽ sau + lộn	B	35	phút	823
B05	Thi công	Là giữa sau, sẽ sau, gấp gấu TS	B	41	phút	702
B06	Thi công	Ghim giữa sau + sẽ sau một đường	B	32	phút	900
B07	Thi công	Mí gấp sẽ sau 1/16	B	27	phút	1067
B08	Thi công	Cuốn viền giữa sau + sẽ sau	B	36	phút	800
B09	Thi công	Điều giữa sau + sẽ sau 1/4	B	38	phút	758
B10	Thi công	Điều sẽ sau 1 đoạn	B	29	phút	993
		Tay *4				
C01	Thi công	SD tay *4	C	42	phút	686
C02	Thi công	Cán chập song tay	B	48	phút	600
C03	Thi công	Chấn gấu sẽ tay, sửa lộn	B	30	phút	960
C04	Thi công	Điều song tay 1/4	B	41	phút	702
C05	Thi công	Là song tay, là sẽ tay, là gấp gấu tay	B	37	phút	778
C06	Thi công	Quay tròn tay	B	43	phút	670
C07	Thi công	Là rẽ quay tròn tay	B	26	phút	1108
C08	Thi công	Máy dùm tay *2	B	21	phút	1371
		Cổ *2				
D01	Thi công	SD bàn cổ ziczac	C	29	phút	993
D02	Thi công	Điều bàn cổ ziczac	B	38	phút	758
D03	Thi công	Cán chập cổ bia màu	B	31	phút	929
D04	Thi công	Sửa lộn cổ	C	25	phút	1152
D05	Thi công	Là song cổ	B	22	phút	1309
D06	Thi công	Chèn miếng cổ	C	12	phút	2400
D07	Thi công	Điều chân cổ trang trí (máy cán gai)	B	23	phút	1252
D08	Thi công	SD chân cổ *2	C	21	phút	1371
D09	Thi công	Trạ chân cổ	A	35	phút	823
D10	Thi công	Là gấp chân cổ	B	11	phút	2618
D11	Thi công	Mí chân cổ 1/16	B	19	phút	1516
D12	Thi công	SD miếng cổ	C	10	phút	2880
		Nội thất *2				
E01	Thi công	Cán chập nắp nẹp, mí	B	52	phút	554
E02	Thi công	Là nẹp lót	B	23	phút	1252
E03	Thi công	SD bổ khay nắp nẹp *3	C	19	phút	1516
E04	Thi công	Bổ khay nắp nẹp, di bộ khay nẹp *3	B	41	phút	702
E05	Thi công	Ghim nắp nẹp 2 đoạn, chấn 2 đầu	B	48	phút	600
E06	Thi công	Di bộ nắp nẹp trái *2	B	13	phút	2215
		Lót				

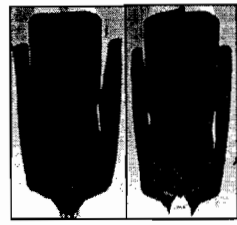
FORMOSTAR GARMENT (VIETNAM) CO., LTD
SEWING OPERATION LIST

TAIPEI IE OUTPUT:
VN IE OUTPUT:

STYLE NO 515-319C
DATE: 16-12-2015

8.83

đoàn	Mã công	工段名稱	Tên công đoạn	等級	台縫記号	使用機器	時間	單價	工段單價
F01	里后披肩叠折明线	Diều gấu lót TS 1/4		B		平车	25	199.3	1152
F02	里后中车紫折	Ghim ly giữa		B		平车	17	135.5	1694
F03	里后中车商标压明线含记号	Mĩ mắc giữa sau, sd		B		平车	32	255.0	900
F04	挂面接里领暗线	Can dập nếp vào lót		B		平车	85	677.5	339
F05	里前腰折记号及开袋	SD lót TT*2, bốt túi lót bên trái*1		C		手工	30	222.6	960
F06	里前袋烫衬*1	Là méch túi lót TT*1		B		手烫	8	63.8	3600
F07	袋贴接袋布压明线*1	Mĩ gấp dập túi vào lót*1		B		平车	11	87.7	2618
F08	左挂面开袋夹袋牌, 里布*1	Bốt túi lót bằng máy*1, đặt cốt túi, đặt dập túi*1		B		专车	27	215.2	1067
F09	手工剪三角*1	Bốt túi dập nếp bằng tay*1		C		手工	13	96.5	2215
F10	里袋固定两头*1	Chấn túi 2 đầu*1		A		平车	22	184.6	1309
F11	烫里袋*1	Là miệng túi dập nếp*1		B		平车	8	63.8	3600
F12	接袋布及袋口压明线*1	Mĩ miệng túi xq, can lót túi *1		B		平车	41	326.8	702
F13	车袋底拷五线*1	VS 5 chỉ dây túi lót*1		B		拷边	15	119.6	1920
F14	里前片车腰折暗线*2	May ly eo TT lót*2		B		平车	36	286.9	800
F15	里肩边缝暗线	Can dập sườn vai lót 1 đoạn		B		平车	31	247.1	929
F16	里袖切开, 袖底暗线	Can dập sống tay, tròn tay lót		B		平车	44	350.7	655
F17	里上袖暗线	Tra tay lót		B		平车	72	573.8	400
F18	烫里布	Là lót		B		手烫	36	286.9	800
TOTAL								29,376	7.81



作业别	车缝(秒)	专车(秒)	单价
(Các công đoạn)	may	Chuyên dùng	Đơn giá
平车作业	(Máy thường)		
双针车作业	(2 kim)		
特种车作业	(Đặc chủng)		
手烫作业	(Là)		
手工作业	(Làm bằng tay)		
合计工时(秒)	3261	426	
出数(件)	8.83	67.6	26,009
总出数:	3687		7.81